

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ – ST
Ngày 13/8/2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tần

Bà Huỳnh Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2022/TLST – HNGĐ ngày 25/5/2022, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 02/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Đội X, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ X, thôn P, xã T, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Trịnh T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Đội X, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bên đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2022 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị kết hôn với Anh Trịnh T ngày 16/7/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh

T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị có khuyên bảo nhưng anh Tư không thay đổi mà còn có thái độ ghen ngược và có hành vi bạo lực với nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự chị. Trong đêm 28/4/2022, anh T yêu cầu mượn điện thoại của chị, chị có mở khóa và đưa cho anh T. Sau khi sử dụng xong, anh T có thái độ chửi bới, xúc phạm, đe dọa và đuổi chị ra khỏi nhà trong đêm khuya. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trịnh T.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên là Trịnh Nghi D, sinh ngày 30/8/2020, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Nghi D, không yêu cầu Anh Trịnh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2022 và quá trình tố tụng, bị đơn Anh Trịnh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của Chị Nguyễn Thị L về kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh không đồng ý với ý kiến của chị L. Anh không có xúc phạm, đánh đập, ngược đãi chị L và không có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh chỉ cảm thấy hai vợ chồng sống không còn hạnh phúc, không cùng quan điểm sống. Nay chị L xin ly hôn anh, anh đồng ý. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung là Trịnh Nghi D, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 39, Điều 68, Điều 195, Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 262 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Trịnh T. Giao con chung cháu Trịnh Nghi D, sinh ngày 30/8/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Trịnh T có trách nhiệm giao cháu Trịnh Nghi D cho Chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Trịnh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoạn tụ nhưng chị L và anh T đều thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Nghi D, sinh ngày 30/8/2020. Chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét hiện nay cháu Trịnh Nghi D còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và giới tính nữ nên giao cháu Trịnh Nghi D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện nay cháu D do anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên Anh Trịnh T có trách nhiệm giao cháu Trịnh Nghi D cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 75.000 đồng phí hôn nhân và gia đình. Anh Trịnh T phải nộp 75.000 đồng phí hôn nhân và gia đình.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 267, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Trịnh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trịnh Nghi D, sinh ngày 30/8/2020 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trịnh T có trách nhiệm giao cháu Trịnh Nghi D cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết một trong các bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4 Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 75.000đồng phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002647 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn. Chị Nguyễn Thị L được hoàn trả số tiền chênh lệch 225.000đồng.

Anh Trịnh T phải nộp 75.000đồng phí hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/8/2022).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND phường Hòa Phát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Đình Chung